

Bản án số: **39/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 14/3/2023

V/v *Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Vũ Thị Tuyền**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Phương**

2. Bà **Lò Thị Ánh Ngọc**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Mạnh Hà** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà **Phùng Cẩm Anh** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2022/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 23/2023/QĐST - HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Vũ Thị M** - Sinh năm 1991; Địa chỉ: Thôn H, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn B** - Sinh năm 1983; Địa chỉ: Thôn 9, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/12/2022 và trong quá trình giải quyết, xét xử nguyên đơn chị Vũ Thị M trình bày:

- Về hôn nhân: Chị M và anh B kết hôn với nhau do 2 bên tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn vào ngày 17/01/2011 tại UBND xã S, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau tại Đội 9, xã P, huyện Đ cho đến đầu năm 2015 thì chị M về ở với bố mẹ đẻ chị M tại Thôn

H, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên cho đến nay. Cuộc sống chung của vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn căng thẳng từ đầu năm 2015 cho đến nay. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng, dẫn đến thường xuyên xảy ra xô sát, cãi nhau. Vì vậy, anh chị đã sống ly thân với nhau từ đầu năm 2015 cho đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay tình cảm của chị M đối với anh B không còn, vì vậy chị M đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B.

- *Về con chung*: Chị M và anh B có 01 con chung là Nguyễn Nhật V - sinh ngày 13/02/2012. Tại đơn khởi kiện ngày 01/12/2022 chị M có nguyện vọng để cho anh B được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Nhật V - sinh ngày 13/02/2012 vì lý do hiện tại cháu V đang ở với anh B, nhưng nay do cháu V có nguyện vọng xin được ở với chị M. Vì vậy, chị M xin thay đổi yêu cầu khởi kiện là có nguyện vọng được quyền trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu V cho đến khi cháu V đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động. Việc cấp dưỡng nuôi con chị M không đề nghị Tòa án giải quyết. Về thu nhập của chị M từ nghề bán hàng quần áo trên mạng được từ 10.000.000 đồng - 12.000.000 đồng/ 1 tháng. Bản thân chị M có chỗ ở ổn định, vì vậy, chị M đảm bảo có đủ khả năng về thời gian cũng như về điều kiện kinh tế để nuôi dưỡng, chăm sóc cháu V.

- *Về quan hệ tài sản và công nợ*: Về tài sản riêng của từng người, tài sản chung của vợ chồng, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Chị M khai không có.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và quá trình xét xử sơ thẩm vụ án.

* Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

+ Đối với nguyên đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70,71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Đối với bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án đã không gửi ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham gia các buổi làm việc khi được thông báo, triệu tập ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án, vi phạm quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về hôn nhân: Căn cứ Điều 51, 53, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung đơn khởi kiện của chị M, cho chị M được ly hôn với anh B.

- Về con chung: Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu Nguyễn Nhật V - sinh ngày 13/02/2012 cho chị Vũ Thị M trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Chị M không đề nghị cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về quan hệ tài sản và công nợ: Tài sản riêng của từng người, tài sản chung của vợ chồng, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Không có.

- Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 chị Vũ Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

** Yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm:* Không;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả hỏi tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của nguyên đơn tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án Ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa chị Vũ Thị M và anh Nguyễn Văn B thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Về sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Văn B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án liên quan đến việc giải quyết vụ án nhưng anh B vẫn không đến tham gia phiên tòa. Vì vậy, mà Tòa án đã hoãn phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 24/02/2023 theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự và ấn định mở phiên tòa vào ngày 14/3/2023, nhưng anh B vẫn vắng mặt không có lý do. Xét thấy, sự vắng mặt của anh B tại phiên tòa hôm nay không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh B theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

**) Về hôn nhân:* Quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh B là hợp pháp, trên cơ sở tự nguyện được pháp luật công nhận, chị M cho rằng cuộc sống chung của anh chị không có hạnh phúc, thường xuyên xảy ra cãi nhau, do tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi

nhau dẫn đến cuộc sống chung không có hạnh phúc (được chứng minh tại Đơn xin xác nhận tình trạng hôn nhân ngày 08/12/2022 của chị M có xác nhận của chính quyền địa phương; BL: 27 và Biên bản xác minh của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên tại chính quyền địa phương ngày 06/02/2023 BL: 42). Mặt khác, trong đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa chị M khẳng định chị không còn tình cảm với anh B nữa nên anh chị đã sống ly thân với nhau từ đầu năm 2015 cho đến nay không ai còn quan tâm đến ai nữa. Vì vậy, chị M tha thiết có nguyện vọng xin được ly hôn với anh B.

Xét thấy, sau khi thụ lý vụ án anh B không trả lời thông báo thụ lý vụ án của Tòa án và cũng không đến tham gia phiên hòa giải để trình bày quan điểm của mình, điều đó đã thể hiện anh B chưa thực sự có thiện chí đoàn tụ. Mặt khác, anh chị đã sống ly thân với nhau từ đầu năm 2015 cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai nữa. Vì vậy, không có căn cứ để chứng minh rằng cuộc sống chung của chị M và anh B vẫn hòa thuận, hạnh phúc. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị M và anh B đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần xử cho chị M được ly hôn với anh B là phù hợp với quy định tại điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

**) Về con chung:* Chị M và anh B có 01 con chung là Nguyễn Nhật V - sinh ngày 13/02/2012. Tại đơn khởi kiện ngày 01/12/2022 chị M có nguyện vọng đề cho anh B được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc cháu V vì lý do hiện tại cháu V đang ở với anh Biên, nhưng vì cháu V có nguyện vọng được ở với chị nên chị M xin được thay đổi yêu cầu khởi kiện là có nguyện vọng được quyền trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu V cho đến khi cháu V đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động. Việc cấp dưỡng nuôi con chị M không đề nghị Tòa án giải quyết. Về thu nhập của chị M từ nghề bán hàng quần áo trên mạng được từ 10.000.000 đồng - 12.000.000 đồng/1 tháng. Bản thân chị M có chỗ ở ổn định, vì vậy, chị M đảm bảo có đủ khả năng về thời gian cũng như về điều kiện kinh tế để nuôi dưỡng, chăm sóc cháu V.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tại đơn khởi kiện ban đầu chị M có nguyện vọng đề cho cháu V được ở với anh B vì lý do anh B không cho chị M đón cháu V về ở với chị M. Tuy nhiên, tại bản tự khai ngày 01/02/2023 chị M xin được thay đổi yêu cầu khởi kiện là có nguyện vọng được quyền trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu V cho đến khi cháu V đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động vì cháu V có nguyện vọng được ở với chị. Về thu nhập của chị M từ nghề bán hàng quần áo trên mạng được từ 10.000.000 đồng - 12.000.000 đồng/1 tháng, chị M có chỗ ở ổn định cho hai mẹ con, nên chị M đảm bảo có đủ khả năng về thời gian cũng như về điều kiện kinh tế để nuôi dưỡng, chăm sóc cháu V. Mặt khác, cháu V đã trên 7 tuổi và cháu đã có bản tự khai (BL: 32) trình bày nguyện vọng được ở với chị M, còn anh B không có văn bản trả lời thông báo thụ lý vụ án của Tòa án, không đến tham gia phiên hòa giải và cũng không đến tham gia phiên tòa để trình bày quan điểm của mình về nguyện vọng nuôi con và chứng minh thu nhập, chỗ ở ổn định của mình để làm căn cứ cho Tòa án giải quyết việc giao con chung. Vì vậy, căn cứ vào những chi

phí tối thiểu cho việc nuôi dưỡng, học hành của cháu V và căn cứ vào mức lương tối thiểu hiện nay cũng như về mặt bằng giá cả thực tế tại địa phương, xuất phát từ lợi ích về mọi mặt của cháu V cần giao cháu V cho chị M được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu M đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi), có khả năng lao động hoặc đến khi có thay đổi khác là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân gia đình.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung chị M không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

**) Về quan hệ tài sản và công nợ:* Tài sản riêng của từng người, tài sản chung của vợ chồng, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Chị M khai không có. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

**) Về án phí:* Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn chị Vũ Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (án phí ly hôn).

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, 69; khoản 1, khoản 2 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Về hôn nhân: Cho chị Vũ Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Nhật V - sinh ngày 13/02/2012 cho chị Vũ Thị M được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu V đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc đến khi có thay đổi khác. Việc cấp dưỡng nuôi con chung chị M không đề nghị Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Văn B có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở và có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con, các thành viên trong gia đình chị M không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của anh B.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quan hệ tài sản và công nợ: Tài sản riêng của từng người, tài sản chung của vợ chồng, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Không có.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án nguyên đơn chị Vũ Thị M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng tại Biên lai thu tiền số: 0005103 ngày 07 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên; Chị M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự chị Vũ Thị M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (14/3/2023). Anh Nguyễn Văn B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Điện Biên;
- UBND xã Pom Lót, huyện Điện Biên;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục Thi hành án DS huyện ĐB;
- Toà án tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Tuyền

